



Philips GreenPerform Waterproof G3: Đèn batten chống thấm, hiệu suất chiếu sáng cao, tiết kiệm năng lượng

Đèn GreenPerform Waterproof G3

GreenPerform Waterproof G3 là một lựa chọn tuyệt vời cho các ứng dụng bền bỉ. Sản phẩm này không chỉ cung cấp hiệu suất quang học xuất sắc mà còn tiết kiệm năng lượng đáng kể. Và nhờ hoạt động liền mạch với phần mềm IoT như Interact, khách hàng sẽ dễ dàng tùy chỉnh, sử dụng thật tiện lợi và có được thông tin chi tiết dựa trên dữ liệu.

Lợi ích

- Trang bị cho ứng dụng của bạn hai lựa chọn quang học ưu việt
- Khả năng tiết kiệm năng lượng tuyệt vời
- Thông tin chi tiết dựa trên dữ liệu thông qua
- phần mềm và nền tảng Interact

Tính năng

- Nắp polycarbonate đúc phun trắng đục (PCO) và quang học Chùm sáng rộng (WB)
- Lên đến 140 lm/W
- IP65/IK08
- 50.000 giờ L70 B50 ở 35°C
- Hoạt động với phần mềm và nền tảng IoT Interact

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Ứng dụng

- Bãi đỗ xe
- Sân xuất
- Nhà kho

Phiên bản

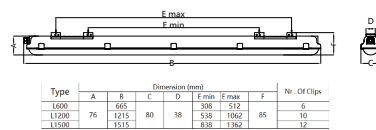
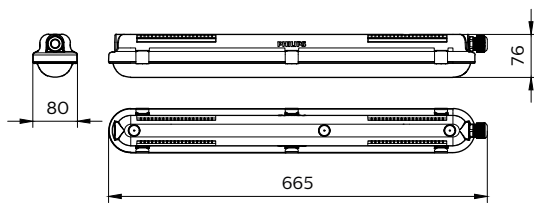


L600

L1500

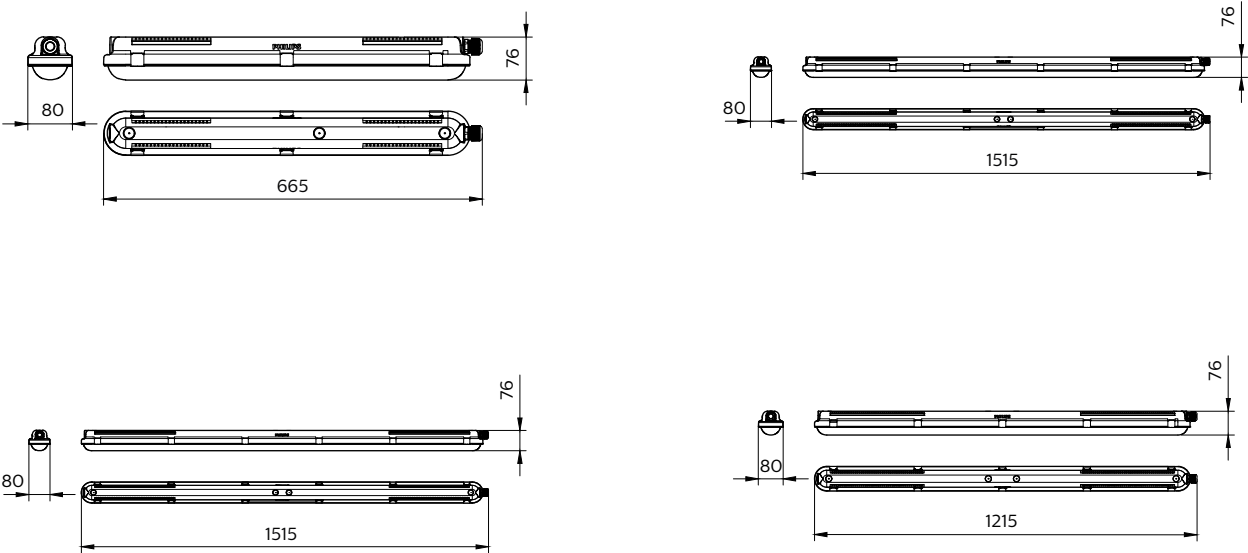
L1200

Bản vẽ kích thước



Đèn GreenPerform Waterproof G3

Bản vẽ kích thước



Thông tin chung	
Thẻ dịch vụ	Có
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Loại chóa quang học	-
Vận hành và điện	
Cấp bảo vệ IEC	Cấp an toàn I
Cơ khí và vỏ đèn	
Màu vỏ đèn	Xám
Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	IK08
Mã bảo vệ chống xâm nhập	IP65
Phê duyệt và ứng dụng	
Nhiệt độ môi trường cho phép	-20 đến +45°C
Dấu CE	Có
Dấu ENEC	-

Thông tin chung		Bao gồm		Nguồn	
Order Code	Full Product Name	bộ điều khiển	Bộ điều khiển	sáng có thể thay thế	Số lượng bộ điều khiển
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Bao gồm		Nguồn	
		bộ điều khiển	Bộ điều khiển	sáng có thể thay thế	Số lượng bộ điều khiển
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Có	EB	-	1 thiết bị
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Có	EB	-	1 thiết bị
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	-	-	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Có	EB	-	1 thiết bị
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	-	-	-
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	Có	-	Không	1 thiết bị
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	Có	-	Không	1 thiết bị
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	Có	-	Không	1 thiết bị
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	Có	-	Không	1 thiết bị
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	-	-	-

Thông tin kỹ thuật về đèn (1/2)

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu của nguồn sáng	Nhiệt độ màu tương quan		Chỉ số hoàn màu (CRI) (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
			quan (Danh định)	hoàn màu (Danh định)		
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	-	4000 K	80	136,1 lm/W	
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	-	4000 K	80	138,4 lm/W	
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	-	4000 K	80	137,6 lm/W	
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	-	6500 K	80	136,1 lm/W	
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	-	6500 K	80	143,6 lm/W	
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	-	6500 K	80	138,4 lm/W	
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	-	6500 K	80	138,7 lm/W	
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	-	4000 K	80	136,1 lm/W	

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu của nguồn sáng	Nhiệt độ màu tương quan	Chỉ số hoàn màu	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
			(Danh định)	(CRI)	
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	-	4000 K	80	137,6 lm/W
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	-	4000 K	80	138,7 lm/W
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	-	6500 K	80	136,1 lm/W
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	-	6500 K	80	138,7 lm/W
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	-	4000 K	80	129,3 lm/W
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	-	4000 K	80	138,3 lm/W
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	-	4000 K	80	131,5 lm/W
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	-	6500 K	80	129,3 lm/W
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	-	6500 K	80	138,3 lm/W
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	-	6500 K	80	131,5 lm/W
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	-	6500 K	80	130,7 lm/W
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	-	4000 K	80	129,3 lm/W
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	4000 K	>80	125 lm/W
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	-	4000 K	80	143,6 lm/W
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	-	4000 K	80	138,4 lm/W
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	-	6500 K	80	143,6 lm/W
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	-	6500 K	80	138,4 lm/W
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	-	4000 K	80	138,3 lm/W
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	-	4000 K	80	131,5 lm/W

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu của nguồn sáng	Nhiệt độ màu tương quan	Chỉ số hoàn màu	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
			(Danh định)	(CRI)	
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	-	6500 K	80	138,3 lm/W
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	-	6500 K	80	131,5 lm/W
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	4000 K	>80	133 lm/W
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	120 °	4000 K	>80	132 lm/W
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	120 °	4000 K	>80	127 lm/W
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	120 °	4000 K	>80	132 lm/W
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	120 °	4000 K	>80	140 lm/W
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	120 °	4000 K	>80	121 lm/W
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	120 °	4000 K	>80	122 lm/W
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	120 °	4000 K	>80	128 lm/W
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	120 °	4000 K	>80	130 lm/W
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	120 °	4000 K	>80	133 lm/W
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	4000 K	>80	133 lm/W

Thông tin kỹ thuật về đèn (2/2)

Order Code	Full Product Name	Số lượng nguồn	
		Quang thông	sáng
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	2.000 lm	1
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	4.000 lm	1
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	6.000 lm	1
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	2.000 lm	1
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	2.700 lm	1

Order Code	Full Product Name	Số lượng nguồn	
		Quang thông	sáng
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	4.000 lm	1
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	8.200 lm	1
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	2.000 lm	1
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	6.000 lm	1
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	8.200 lm	1

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Số lượng nguồn	
		Quang thông	sáng
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	2.000 lm	1
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	8.200 lm	1
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	1.900 lm	1
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	2.600 lm	1
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	3.800 lm	1
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	1.900 lm	1
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	2.600 lm	1
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	3.800 lm	1
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	5.700 lm	1
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	1.900 lm	1
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	2.000 lm	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	2.700 lm	1
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	4.000 lm	1
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	2.700 lm	1
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	4.000 lm	1
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	2.600 lm	1
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	3.800 lm	1
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	2.600 lm	1

Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Tần số dòng điện	Mức tiêu thụ điện	Phù hợp với
					bật/tắt ngẫu nhiên
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	43,6 W	Có
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	59,1 W	Có
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có

Order Code	Full Product Name	Quang thông	sáng	Số lượng nguồn	
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	3.800 lm	1		
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	6.000 lm	-		
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	2.700 lm	-		
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	4.000 lm	-		
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	6.000 lm	-		
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	8.000 lm	-		
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	1.900 lm	-		
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	2.700 lm	-		
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	4.000 lm	-		
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	6.000 lm	-		
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	8.000 lm	-		
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	1.800 lm	-		
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	2.500 lm	-		
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	3.700 lm	-		
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	5.700 lm	-		
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	7.500 lm	-		
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	4.000 lm	-		

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Tần số dòng điện	Mức tiêu thụ điện	Phù hợp với
					bật/tắt ngẫu nhiên
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	43,6 W	Có
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	59,1 W	Có
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	59,1 W	Có
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Tần số dòng điện	Mức tiêu thụ điện	Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	43,6 W	Có
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	14,7 W	Có
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	220-240 V	50 or 60 Hz	16 W	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	18,8 W	Có
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	220 đến 240 V	50 to 60 Hz	28,9 W	Có
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	220-240 V	50 or 60 Hz	45 W	-
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	20,5 W	Không áp dụng

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Tần số dòng điện	Mức tiêu thụ điện	Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	28,6 W	Không áp dụng
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	42,7 W	Không áp dụng
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	57,1 W	Không áp dụng
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	15 W	-
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	20,5 W	-
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	28,6 W	-
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	42,7 W	-
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	57 W	-
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	15 W	-
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	20,5 W	-
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	28,6 W	-
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	42,7 W	-
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	220 đến 240 V	50 or 60 Hz	57 W	-
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	220-240 V	50 or 60 Hz	30 W	-

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	Có	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%

Cơ khí và vỏ đèn

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	Có	-
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	Có	Không áp dụng
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	Có	Không áp dụng
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	Có	Không áp dụng
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	Có	Không áp dụng
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	Không	Không áp dụng
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	Không	Không áp dụng
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	Không	Không áp dụng
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	Không	Không áp dụng
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	Không	Không áp dụng
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	Không	Không áp dụng
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	Không	Không áp dụng
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	Không	Không áp dụng
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	Không	Không áp dụng
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	Không	Không áp dụng
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	Có	-

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	Chao đèn/nắp Acrylic mờ
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	Chao đèn/nắp Acrylic mờ
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	-
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	Chao đèn/nắp Acrylic mờ

Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu tính dễ	
		cháy	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu tính dễ	
		cháy	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	Để lắp trên các bề mặt thường bắt cháy	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu tính dễ	
		cháy	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	-	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	Để lắp trên các bề mặt thường bắt cháy	-
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu tính dễ	
		cháy	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-	Nhiệt độ 850 °C, thời gian 30 giây
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	Để lắp trên các bề mặt thường bắt cháy	-

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai
			quang thông
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai
			quang thông
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	(0.3742,0.3698) SDCM<3	+/-10%
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	(0.3742,0.3698) SDCM<3	+/-10%
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	(0.38,0.38)	+/-10%

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	(0.38,0.38)	+/-10%
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	(0.38,0.38)	+/-10%
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	(0.38,0.38)	+/-10%
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	(0.38,0.38)	+/-10%
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	(0.38,0.38)	+/-10%
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	(0.38,0.38)	+/-10%
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	(0.38,0.38)	+/-10%
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	(0.38,0.38)	+/-10%
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	(0.3742,0.3698) SDCM<3	+/-10%

Hiệu suất theo thời gian (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ	Tuổi thọ hữu ích trung bình L80B50	Tuổi thọ hữu ích trung bình L90B50
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	-	-	-
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	-	-	-
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	-	-	-
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	-	-	-
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	-	-	-
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	-	-	-
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	-	-	-
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	-	-	-
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	-	-	-

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ	Tuổi thọ hữu ích trung bình L80B50	Tuổi thọ hữu ích trung bình L90B50
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	-	-	-
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	-	-	-
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	-	-	-
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	-	-	-
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	-	-	-
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	-	-	-
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	-	-	-
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	-	-	-
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	-	-	-

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ	Tuổi thọ hữu ích trung bình L80B50	Tuổi thọ hữu ích trung bình L90B50
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	-	-	-
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	-	-	-
911401549981	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	-	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	-	-	-
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	-	-	-
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	-	-	-
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	-	-	-
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	-	-	-
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	-	-	-
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	-	-	-
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	-	-	-
911401550281	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	-	-
911401562761	WT198C LED27S/840 PSD L1200	0,01 %	42.000 h	20.000 h
911401562861	WT198C LED40S/840 PSD L1200	0,01 %	42.000 h	20.000 h

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ	Tuổi thọ hữu ích trung bình L80B50	Tuổi thọ hữu ích trung bình L90B50
911401562961	WT198C LED60S/840 PSD L1500	0,01 %	42.000 h	20.000 h
911401563061	WT198C LED80S/840 PSD L1500	0,01 %	42.000 h	20.000 h
911401825580	WT198C LED19S/840 PSU L600	1 %	42.000 h	20.000 h
911401825680	WT198C LED27S/840 PSU L1200	1 %	42.000 h	20.000 h
911401825780	WT198C LED40S/840 PSU L1200	1 %	42.000 h	20.000 h
911401825880	WT198C LED60S/840 PSU L1500	1 %	42.000 h	20.000 h
911401825980	WT198C LED80S/840 PSU L1500	1 %	42.000 h	20.000 h
911401826080	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	1 %	42.000 h	20.000 h
911401826180	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	1 %	42.000 h	20.000 h
911401826380	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	1 %	42.000 h	20.000 h
911401826480	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	1 %	42.000 h	20.000 h
911401826580	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	1 %	42.000 h	20.000 h
911401550181	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	-	-

